

Số: 1625/TB-ĐLDK
Number: 1625/TB-DLDK

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2025
Hanoi, ..08., 09, 2025

**TÓM TẮT SỔ CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY TẠI NGÀY 26/08/2025 ĐỂ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025**

***SUMMARY OF THE SHAREHOLDERS' BOOK OF THE CORPORATION AS OF 26
AUGUST, 2025 TO ORGANIZING THE EXTRAORDINARY GENERAL MEETING OF
SHAREHOLDERS IN 2025***

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

To:

- State Security Commission of Vietnam;
- Hochiminh Stock Exchange.

I. CƠ CẤU SỞ HỮU/ OWNERSHIP STRUCTURE:

1. Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông/ Ownership structure by type of shareholder

STT/ No	Đối tượng/ Category	Số lượng cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ sở hữu/Ownership percentage (%)	Số lượng cổ đông/ Number of shareholders	Cơ cấu cổ đông/ Shareholder structure (*)	
					Tổ chức/ Organization	Cá nhân/ Individual
1	Cổ đông Nhà nước State shareholder	1.872.141.477 1,872,141,477	79,94% 79.94%	1 1	1 1	0 0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI Founding shareholder/ FDI shareholder	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
3	Cổ đông lớn Major shareholder	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
4	Công đoàn Công ty Company Union	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0

STT/ No	Đối tượng/ Category	Số lượng cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ sở hữu/Ownership percentage (%)	Số lượng cổ đồng/ Number of shareholders	Cơ cấu cổ đông/ Shareholder structure (*)	
					Tổ chức/ Organization	Cá nhân/ Individual
5	Cổ phiếu quỹ <i>Treasury stock (*)</i>	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) <i>Shareholders owning preferred shares (if any)</i>	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
7	Cổ đông khác <i>Other shareholders</i>	469.730.123 469,730,123	20,06% 20.06%	44.938 44,938	136 136	44.802 44,802
	- Trong nước <i>- Domestic</i>	394.588.608 394,588,608	16,85% 16.85%	44.482 44,482	73 73	44.409 44,409
	- Nước ngoài <i>- Foreign</i>	75.141.515 75,141,515	3,21% 3.21%	456 456	63 63	393 393
	TỔNG CỘNG TOTAL	2.341.871.600 2,341,871,600	100,00% 100.00%	44.939 44,939	137 137	44.802 44,802
	<i>Trong đó: - Trong nước</i> <i>- Of which: - Domestic</i>	<i>2.266.730.085</i> <i>2,266,730,085</i>	<i>96,79%</i> <i>96.79%</i>	<i>44.483</i> <i>44,483</i>	<i>74</i> <i>74</i>	<i>44.409</i> <i>44,409</i>
	- Nước ngoài <i>- Foreign</i>	<i>75.141.515</i> <i>75,141,515</i>	<i>3,21%</i> <i>3.21%</i>	<i>456</i> <i>456</i>	<i>63</i> <i>63</i>	<i>393</i> <i>393</i>

2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTCKCN)/ Ownership structure by major shareholders and professional securities investors (PSEs)

STT/ No	Đối tượng/ Category	Số lượng cổ phiếu/ Number of shares	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership percentage (%)	Số lượng cổ đồng/ Number of shareholders	Cơ cấu cổ đông/ Shareholder structure (*)	
					Tổ chức/ Organization	Cá nhân/ Individual
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN	0	0	0	0	0
	<i>Major shareholders owning 5% or more of</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>

	<i>the capital stock are not PSEs</i>					
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Domestic	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
2	- Foreign	0	0	0	0	0
	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VDL trở lên <i>PSE is a major shareholder owning 5% or more of charter capital.</i>	1.872.141.477	79,94%	1	1	0
		1,872,141,477	79.94%	1	1	0
	- Trong nước	1.872.141.477	79,94%	1	1	0
3	- Domestic	1,872,141,477	79.94%	1	1	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
	- Foreign	0	0	0	0	0
	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VDL <i>PSE is a major shareholder owning less than 5% of charter capital.</i>	301.694.075	12,88%	366	136	230
		301,694,075	12.88%	366	136	230
	- Trong nước	228.413.433	9,75%	301	73	228
	- Domestic	228,413,433	9.75%	301	73	228
	- Nước ngoài	73.280.642	3,13%	65	63	2
	- Foreign	73,280,642	3.13%	65	63	2
	TỔNG CỘNG	2.173.835.552	92,82%	367	137	230
	TOTAL	2,173,835,552	92.82%	367	137	230

Ghi chú/ Note:

- Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được định nghĩa tại Điều 11 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14/ *Professional securities investors are defined in Article 11 of Securities Law No. 54/2019/QH14.*

- (*): nêu số lượng tổ chức, cá nhân của từng loại hình/ *state the number of organizations and individuals of each type.*

3. Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu/ Shareholder structure by type of share

a/ Đối với trường hợp niêm yết bổ sung sau phát hành thêm, sáp nhập/ *In case of additional listing after additional issuance or merger: Không có/ None*

b/ Đối với hồ sơ niêm yết bổ sung sau đợt chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *For additional listing dossiers after the conversion of bonds into shares: Không có/ None*

c/ Các trường hợp khác/ *Other cases:*

Đối tượng/ Category	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng/ Number of shares restricted for transfer	Số lượng CP chuyển nhượng tự do/ Number of freely transferable shares	Tổng cộng/ Total	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership percentage (%)
I. Người nội bộ <i>I. Insider</i>	20.000 20,000	60.505 60,505	80.505 80,505	0,0034% 0.0034%
II. Cổ phiếu quỹ <i>II. Treasury stock</i>				
III. Công đoàn Công ty <i>III. Company Union</i>				
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) <i>IV. Shareholders owning preferred shares (if any)</i>				
V. Cổ đông khác <i>V. Other shareholders</i>	1.194.944.316 1,194,944,316	1.146.846.779 1,146,846,779	2.341.791.095 2,341,791,095	99,9966% 99.9966%
1. Trong nước <i>1. - Domestic</i>	1.194.944.316 1,194,944,316	1.071.705.264 1,071,705,264	2.266.649.580 2,266,649,580	96,7880% 96.7880%
1.1 Cá nhân <i>1.1 Individual</i>	589.800 589,800	366.633.796 366,633,796	367.223.596 367,223,596	15,6808% 15.2808%
1.2 Tổ chức <i>1.2 Organization</i>	1.194.354.516 1,194,354,516	705.071.468 705,071,468	1.899.425.984 1,899,425,984	81,1072% 81.1072%
- Trong đó Nhà nước <i>- the State</i>	1.194.354.516 1,194,354,516	677.786.961 677,786,961	1.872.141.477 1,872,141,477	79,9421% 79.9421%
2. Nước ngoài <i>2. Foreign</i>		75.141.515 75,141,515	75.141.515 75,141,515	3,2086% 3.2086%
2.1 Cá nhân <i>2.1 Individual</i>		3.769.873 3,769,873	3.769.873 3,769,873	0,1610% 0.1610%
2.2 Tổ chức <i>2.2 Organization</i>		71.371.642 71,371,642	71.371.642 71,371,642	3,0476% 3.0476%
TỔNG CỘNG:	1.194.964.316	1.146.907.284	2.341.871.600	100,0000%
TOTAL:	1,194,964,316	1,146,907,284	2,341,871,600	100.0000%

II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT/ LIST OF SPECIAL SHAREHOLDERS

STT/ No	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of Organization/ Individual</i>	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/ <i>ID card number/Passport number/Business registration number</i>	Ngày cấp/ <i>Date of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu/ <i>Number of Stocks</i>	Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership percentage (%)</i>	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng/ <i>Shares restricted for transfer (**)</i>
A. Cổ đông nhà nước/ <i>State Shareholder</i>							
1	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>VietNam National Industry - Energy Group</i>	0100681592 <i>0100681592</i>	22/03/2016 <i>22/03/2016</i>	18 Phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội <i>18 Lang Ha, Giang Vo Ward, Hanoi City</i>	1.872.141.477 <i>1,872,141,477</i>	79,94% <i>79.94%</i>	
<i>Tên người đại diện sở hữu cổ phần Nhà nước làm thành viên chủ chốt của Công ty niêm yết Name of the State ownership representative of shares as a key member of the listed company</i>							
1.1	Hoàng Văn Quang - Chủ tịch HĐQT <i>Hoang Van Quang Chairman of the BOD</i>				584.112.097 <i>584,112,097</i>	24,94% <i>24.94%</i>	
1.2	Lê Như Linh - TV HĐQT kiêm TGD <i>Le Nhu Linh - Member of the BOD cum General Director</i>				468.374.320 <i>468,374,320</i>	20% <i>20%</i>	
1.3	Nguyễn Anh Tuấn - TV HĐQT <i>Nguyen Anh Tuan</i>				234.187.160 <i>234,187,160</i>	10% <i>10%</i>	

STT/ No	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of Organization/ Individual</i>	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/ <i>ID card number/Passport number/Business registration number</i>	Ngày cấp/ <i>Date of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu/ <i>Number of Stocks</i>	Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership percentage (%)</i>	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng/ <i>Shares restricted for transfer (**)</i>
	<i>Member of the BOD</i>						
1.4	Nguyễn Thị Ngọc Bích - TV HĐQT Nguyen Thi Ngoc Bich. <i>Member of the BOD</i>				234.187.160 234,187,160	10% 10%	
1.5	Vũ Thị Tố Nga - TV HĐQT Vu Thi To Nga <i>Member of the BOD</i>				234.187.160 234,187,160	10% 10%	
1.6	Nguyễn Hoàng Yến - TV HĐQT Nguyen Hoang Yen <i>Member of the BOD</i>				117.093.580 117,093,580	5% 5%	
Tổng Cộng A					1.872.141.477	79,94%	
Total A					1,872,141,477	79,94%	
B. Cổ đông lớn/ Major shareholder							
Tổng Cộng B							
Total B							
C. Cổ đông chiến lược/ Strategic shareholder							
Tổng Cộng C							
Total C							
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)/ Founding shareholder/FDI shareholder (in case the Listed Company is an FDI enterprise)							

STT/ No	Tên tổ chức/cá nhân/ <i>Name of Organization/ Individual</i>	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/ <i>ID card number/Passport number/Business registration number</i>	Ngày cấp/ <i>Date of issue</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Số lượng cổ phiếu/ <i>Number of Stocks</i>	Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership percentage (%)</i>	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng/ <i>Shares restricted for transfer (**)</i>
Tổng Cộng D <i>Total D</i>							
Tổng Cộng (A+B+C+D) <i>Total (A+B+C+D)</i>					1.872.141.477 <i>1,872,141,477</i>	79,94% <i>79.94%</i>	

Ghi chú/ Note:

Trường hợp là cổ đông Nhà nước: cần ghi rõ tên người đại diện sở hữu cổ phần nhà nước làm thành viên chủ chốt của Công ty niêm yết (nếu có)/ *In the case of a State shareholder: it is necessary to clearly state the name of the representative who owns the state shares as a key member of the listed company (if any).*

III. BẢNG CHI TIẾT VỀ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/ DETAILS ON SHAREHOLDINGS OF THE INSIDER

1/ Đối với trường hợp niêm yết bổ sung sau phát hành thêm, sáp nhập/ *In case of additional listing after additional issuance or merger: Không có/ None*

2/ Đối với hồ sơ niêm yết bổ sung cho đợt chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *For additional listing dossiers after the conversion of bonds into shares: Không có/ None*

3/ Trường hợp khác/ *Other cases*

STT/ No	Họ tên/ <i>Full name</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng/ <i>Shares restricted for transfer (*)</i>	Cổ phần chuyển nhượng tự do/ <i>Freely transferable shares (*)</i>	Tổng cộng/ <i>Total (*)</i>	Tỷ lệ sở hữu %/ <i>Ownership percentage % (*)</i>
1	Hoàng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT				
	<i>Hoang Van Quang</i>	<i>Chairman of the BOD</i>				
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia Việt Nam			584.112.097	584.112.097	24,9421%

STT/ No	Họ tên/ Full name	Chức vụ/ Position	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng/ Shares restricted for transfer (*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do/ Freely transferable shares (*)	Tổng cộng/ Total (*)	Tỷ lệ sở hữu %/ Ownership percentage % (*)
	Capital representative for VietNam National Industry - Energy Group			584,112,097	584,112,097	24.9421%
2	Lê Như Linh Le Nhu Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Member of the BOD cum General Director				
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia Việt Nam Capital representative for VietNam National Industry - Energy Group			468.374.320 468,374,320	468.374.320 468,374,320	20% 20%
3	Nguyễn Anh Tuấn Nguyen Anh Tuan	Thành viên HĐQT Member of the BOD				
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia Việt Nam Capital representative for VietNam National Industry - Energy Group			234.187.160 234,187,160	234.187.160 234,187,160	10% 10%
4	Nguyễn Thị Ngọc Bích Nguyen Thi Ngoc Bich	Thành viên HĐQT Member of the BOD				
	Sở hữu cá nhân		5.000	36.705	41.705	0,0018%

STT/ No	Họ tên/ Full name	Chức vụ/ Position	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng/ Shares restricted for transfer (*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do/ Freely transferable shares (*)	Tổng cộng/ Total (*)	Tỷ lệ sở hữu %/ Ownership percentage % (*)
	Individual ownership		5,000	36,705	41,705	0.0018%
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Capital representative for VietNam National Industry - Energy Group</i>			234.187.160	234.187.160	10%
				234,187,160	234,187,160	10%
5	Vũ Thị Tổ Nga <i>Vu Thi To Nga</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>				
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Capital representative for VietNam National Industry - Energy Group</i>			234.187.160	234.187.160	10%
				234,187,160	234,187,160	10%
6	Nguyễn Hoàng Yến <i>Nguyen Hoang Yen</i>	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>				
	Đại diện vốn cho Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Capital representative for VietNam National Industry - Energy Group</i>			117.093.580	117.093.580	5%
				117,093,580	117,093,580	5%

STT/ No	Họ tên/ Full name	Chức vụ/ Position	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng/ Shares restricted for transfer (*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do/ Freely transferable shares (*)	Tổng cộng/ Total (*)	Tỷ lệ sở hữu %/ Ownership percentage % (*)
7	Vũ Thị Ngọc Dung Vu Thi Ngoc Dung	Thành viên Ban Kiểm soát Member of the Supervisory Board				
	Sở hữu cá nhân Individual ownership		5.000 5,000	200 200	5.200 5,200	0,0002% 0.0002%
8	Ngô Văn Chiến Ngo Van Chien	Phó Tổng giám đốc Deputy General Director				
	Sở hữu cá nhân Individual ownership		5.000 5,000	1.600 1,600	6.600 6,600	0,0003% 0.0003%
9	Nguyễn Duy Giang Nguyen Duy Giang	Phó Tổng giám đốc Deputy General Director				
	Sở hữu cá nhân Individual ownership			22.000 22,000	22.000 22,000	0,0009% 0.0009%
10	Nguyễn Đình Thi Nguyen Dinh Thi	Người được ủy quyền công bố thông tin Authorized person to disclose information				
	Sở hữu cá nhân Individual ownership		5.000 5,000		5.000 5,000	0,0002% 0.0002%
TỔNG CỘNG:			20.000	1.872.201.982	1.872.221.982	79,9455%

STT/ No	Họ tên/ Full name	Chức vụ/ Position	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng/ Shares restricted for transfer (*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do/ Freely transferable shares (*)	Tổng cộng/ Total (*)	Tỷ lệ sở hữu %/ Ownership percentage % (*)
TOTAL:			20,000	1,872,201,982	1,872,221,982	79.9455%

Ghi chú. Note: Nếu Người nội bộ đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, BKS thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn tại những cột có dấu / :
If an Insider represents capital for another organization as a member of the Board of Directors or Supervisory Board, clearly state the relevant information of the organization and the capital representative in the columns marked with (*)

Đối với số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng, PV Power chỉ xác định được số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng thuộc sở hữu của cá nhân từng cổ đông nội bộ, còn đối với số cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bị hạn chế chuyển nhượng (1.194.354.516 CP) thì không phân chia được cho từng người đại diện do đó vẫn ghi nhận tại cột Cổ phần chuyển nhượng tự do/ For the number of shares restricted from transfer, PV Power can only determine the number of shares restricted from transfer owned by each individual internal shareholder, while for the number of shares representing the capital of Vietnam Oil And Gas Group restricted from transfer (1,194,354,516 shares), it cannot be divided for each representative, so it is still recorded in the column Freely transferable shares.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ As above;
- HĐQT TCT (để b/c)/ Board of Directors (for reporting);
- TGD TCT (để b/c)/ General Director (for reporting);
- BKS TCT (để b/c)/ The Supervisory Board (for reporting);
- PTGD T.V.Phuong (để b/c)/ Deputy General Director T.V.Phuong (for reporting);
- Lưu: VT, KTKH (NMT)/
Archived: VT, KTKH (NMT).

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
TRƯỞNG BAN KTKH
AUTHORIZED BY THE GENERAL
DIRECTOR
AUTHORIZED REPRESENTATIVE FOR
INFORMATION DISCLOSURE
DIRECTOR OF THE ECONOMIC AND
PLANNING DIVISION



Nguyễn Đình Thi